

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Tháng 01/2020, giá cà phê trên thị trường thế giới giảm so với tháng 12/2019 do cung vượt cầu.
- ▶ Giá cà phê trong nước tháng 01/2020 giảm so với tháng 12/2019.
- ▶ Năm 2019, xuất khẩu cà phê chế biến tăng, trong khi xuất khẩu các chủng loại cà phê khác giảm.
- ▶ Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm 2018.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

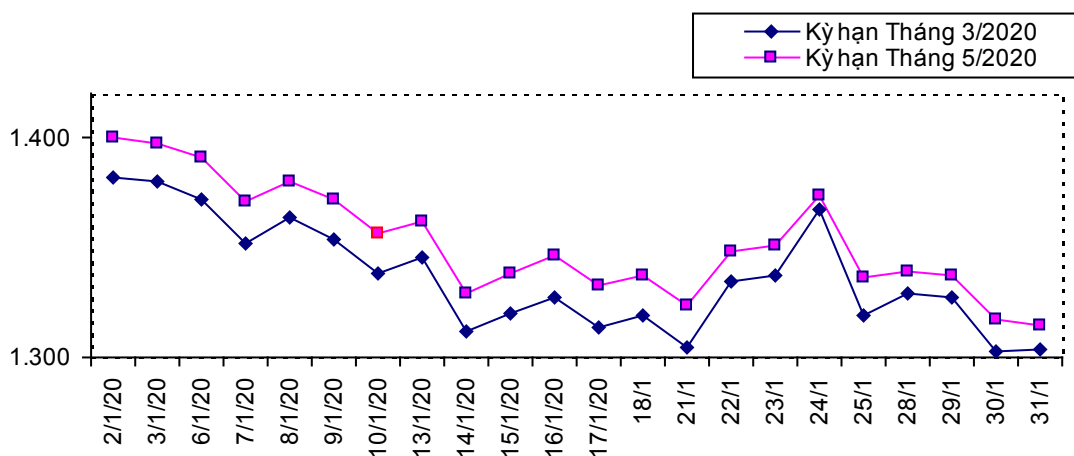
Tháng 1/2020, giá cà phê Robusta và Arabica giao kỳ hạn giảm so với tháng 12/2019. Cụ thể:

+ Trên sàn giao dịch London, ngày

31/01/2020 giá cà phê Robusta giao kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 5,2% so với ngày 31/12/2019, xuống mức 1.304 USD/tấn; kỳ hạn giao tháng 5/2020 giao dịch ở mức 1.315 USD/tấn, giảm 5,5% so với ngày 31/12/2019.

Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn từ đầu tháng 1/2020

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 31/01/2020 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 3/2020 giao dịch ở mức 101,5 Uscent/lb, giảm 23,2% so với ngày 31/12/2019;

kỳ hạn giao tháng 5/2020 giảm 22,9% so với ngày 31/12/2019, xuống mức 103,65 Uscent/lb.

+ Trên sàn giao dịch BFM của Bra-xin, ngày 31/01/2020 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 5/2020 và tháng 9/2020 cùng giảm 21,9% so với ngày 31/12/2019, xuống còn lần lượt 121 Uscent/lb và 125,35 Uscent/lb.

+ Tại cảng Thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức 1.384 USD/tấn, trừ lùi 80 USD/tấn, giảm 4,2% so với ngày

31/12/2019.

Giá cà phê thế giới giảm do áp lực dư cung và ảnh hưởng từ dịch cúm Corona ở Trung Quốc khiến giao dịch cà phê toàn cầu diễn ra âm ảm. Thị trường tiếp tục dự báo sản lượng cà phê của Bra-xin cho vụ mùa năm 2020 tăng. Thời tiết ở Bra-xin rất thuận lợi cho vụ thu hoạch cà phê Robusta sẽ bắt đầu vào tháng 4/2020 và cà phê Arabica vào tháng 7/2020.



THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC: GIÁ GIẢM MẠNH

Sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, giao dịch cà phê tại thị trường nội địa khá ảm đạm. Người dân không bán cà phê ở mức giá thấp hiện nay mà đang tích trữ chờ tăng giá.

Tháng 01/2020, giá cà phê Robusta trong nước giảm so với tháng 12/2019. Ngày 31/01/2020, giá cà phê Robusta giảm từ 4,0 - 5,8% so với ngày 31/12/2019. Giá

cà phê Robusta trong nước ở mức thấp nhất là 30.300 đồng/kg ở các huyện Bảo Lộc và Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; mức cao nhất là 30.900 đồng/kg tại huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum và huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Tại các kho quanh khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, giá cà phê Robusta loại R1 giảm 5,0% so với ngày 31/12/2019, xuống mức 32.300 đồng/kg.

Giá cà phê tại một số tỉnh/huyện khu vực khảo sát ngày 31/1/2020

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 31/12/2019 (%)
Tỉnh Lâm Đồng		
-Bảo Lộc (Robusta)	30.300	-5,0
-Di Linh (Robusta)	30.300	-5,0
-Lâm Hà (Robusta)	30.400	-4,4
Tỉnh Đắk Lắk		
-Cư M'gar (Robusta)	30.900	-5,8
-Ea H'leo (Robusta)	30.700	-5,8
-Buôn Hồ (Robusta)	30.800	-5,8
Tỉnh Gia Lai		
-Chư Prông (Robusta)	30.600	-5,0
-Pleiku (Robusta)	30.700	-4,7
-Ia Grai (Robusta)	30.700	-5,0
Tỉnh Đắk Nông		
-Gia Nghĩa (Robusta)	30.700	-5,0
-Đắk R'lấp (Robusta)	30.600	-5,0
Tỉnh Kon Tum		
-Đắk Hà (Robusta)	30.900	-4,0
Thành phố Hồ Chí Minh		
-Cà phê R1	32.300	-5,0

Nguồn: Tintaynguyen.com

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THÁNG 01/2020 GIẢM

Theo ước tính, xuất khẩu cà phê tháng 01/2020 đạt 140 nghìn tấn, trị giá 245 triệu USD, giảm 25,6% về lượng và giảm 25,2% về trị giá so với tháng 12/2019, giảm 30,6% về lượng và giảm 30,3% về trị giá so với tháng 01/2019. Xuất khẩu cà phê tháng 01/2020 giảm mạnh so với tháng 12/2019 và so với tháng 01/2019 do dịp nghỉ Tết Nguyên đán. Giá xuất khẩu bình quân cà phê trong tháng 01/2020 đạt 1.751 USD/tấn, tăng 0,6% so với tháng 12/2019 và tăng 0,4% so với tháng 1/2019.

Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê Robusta năm 2019 đạt 1,54 triệu tấn, trị giá 2,33 tỷ USD, giảm 3,9% về lượng và giảm 15,2% về trị giá so với năm 2018. Trong đó, xuất khẩu cà phê Robusta sang nhiều thị trường giảm như: Hoa Kỳ, Bỉ, Anh, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Ấn Độ, Pháp, Trung Quốc, Phi-líp-pin.

Đức là thị trường xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất của Việt Nam trong năm 2019, đạt 239,7 nghìn tấn, trị giá 356,49 triệu USD, tăng 0,4% về lượng, nhưng giảm



11,5% về trị giá so với năm 2018; Trong khi xuất khẩu sang Ý và Tây Ban Nha tăng lần lượt 11,5% và 19,9% về lượng so với năm 2018, đạt 148,47 nghìn tấn và 136,74 nghìn tấn.

Giá xuất khẩu bình quân cà phê Robusta năm 2019 ở mức 1.516 USD/tấn, giảm 11,8% so với năm 2018. Trong đó, giá xuất khẩu bình quân cà phê Robusta sang Đức đạt 1.487 USD/tấn; Ý đạt 1.555 USD/tấn; Tây Ban Nha đạt 1.514 USD/tấn; Hoa Kỳ đạt 1.487 USD/tấn; Nhật Bản đạt 1.534 USD/tấn; Nga đạt 1.510 USD/tấn.

Trong khi xuất khẩu cà phê Robusta, Arabica và cà phê Excelsa đều giảm thì xuất khẩu cà phê chế biến năm 2019 tăng, đạt 41,58 nghìn tấn, trị giá 199,6 triệu USD, tăng 10,2% về lượng và tăng 5,6% về trị giá so với năm 2018.

Chủng loại cà phê xuất khẩu năm 2019

Chủng loại	Năm 2019			So với năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK BQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XK BQ
Cà phê Robusta	1.540.504	2.335.232	1.516	-3,9	-15,2	-11,8
Cà phê Arabica	65.047	131.759	2.026	-14,8	-22,8	-9,5
Cà phê chế biến	41.583	199.621	4.801	10,2	5,6	-4,2
Cà phê Excelsa	5.213	8.423	1.616	-47,9	-52,3	-8,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ TRUNG QUỐC 11 THÁNG NĂM 2019 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu cà phê của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2019 đạt 57.848 tấn, trị giá 243,18 triệu USD, giảm 3,7% về lượng và giảm 12,4% về trị giá so với 11 tháng năm 2018.

11 tháng năm 2019, nhập khẩu chủng loại cà phê chưa rang, chưa khử caffein (Mã HS 090111) của Trung Quốc đạt 120,64 triệu USD, giảm 2,7% so với 11 tháng năm 2018. Cà phê chưa rang, chưa khử caffein chiếm 49,6% tổng trị giá nhập khẩu cà phê của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2019, cao hơn so với mức 44,6% trong 11 tháng năm 2018.

Nhập khẩu chủng loại cà phê rang, chưa khử caffein của Trung Quốc trong 11 tháng

năm 2019 đạt 111,46 triệu USD, giảm 23,2% so với 11 tháng năm 2018. Tỷ trọng cà phê rang, chưa khử caffein chiếm 45,8% tổng trị giá nhập khẩu cà phê của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2019.

Nhập khẩu cà phê rang, khử caffein (Mã HS 090122) và cà phê chưa rang, khử caffein (HS 090112) của Trung Quốc 11 tháng năm 2019 lại tăng lần lượt 26,6% và 212,8% so với 11 tháng năm 2018, nhưng tỷ trọng nhập khẩu 2 chủng loại cà phê này trong tổng nhập khẩu cà phê của Trung Quốc ở mức thấp.

Như vậy có thể thấy, Trung Quốc vẫn chủ yếu nhập khẩu cà phê dưới dạng nhân thô để phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến cà phê của nước này.

Chủng loại cà phê nhập khẩu của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2019

Mã HS	Nhập khẩu cà phê của Trung Quốc				Nhập khẩu cà phê của Trung Quốc từ Việt Nam			
	11 tháng năm 2019 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2018 (%)	Tỷ trọng (%)		11 tháng năm 2019 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2018 (%)	Tỷ trọng (%)	
			11 tháng năm 2019	11 tháng năm 2018			11 tháng năm 2019	11 tháng năm 2018
090111	120.646	-2,7	49,6	44,6	28.927	-25,4	89,4	46,4
090121	111.461	-23,2	45,8	52,2	3.343	-92,5	10,3	53,5
090122	10.527	26,6	4,3	3,0	5		0,0	0,0
090112	513	212,8	0,2	0,1	68		0,2	0,0
090190	32	-81,0	0,0	0,1	-		0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Giá nhập khẩu bình quân cà phê của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2019 đạt 4.204 USD/tấn, giảm 9,1% so với 11 tháng năm 2018. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Trung Quốc từ Việt Nam ở mức 1.708 USD/tấn, giảm 47,9% so với cùng kỳ năm 2018; Giá nhập khẩu cà phê của Trung Quốc từ Việt Nam giảm mạnh do cơ cấu chủng loại cà phê nhập khẩu của Trung Quốc từ Việt Nam thay đổi. Trong 11 tháng năm 2018, tỷ trọng nhập khẩu cà phê rang, khử caffein (Mã HS 090122) của Trung Quốc từ Việt Nam chiếm 53,5% trong tổng trị giá nhập khẩu, nhưng trong 11 tháng năm 2019, tỷ trọng chủng loại cà phê này giảm xuống chỉ còn 10,3%. Trong khi tỷ trọng chủng loại cà phê thô chưa rang, chưa khử caffein (Mã HS 090111) chiếm

89,4% trong tổng trị giá nhập khẩu cà phê của Trung Quốc.

Giá cà phê Trung Quốc nhập khẩu từ Bra-xin trong 11 tháng năm 2019 trung bình ở mức 2.834 USD/tấn, giảm 5,5% so với cùng kỳ năm 2018; Ê-ti-ô-pi-a đạt 4.045 USD/tấn, giảm 4,8%; Goa-tê-ma-la đạt 3.269 USD/tấn, giảm 11,8%; In-đô-nê-xi-a đạt 3.076 USD/tấn, giảm 26,6%. Đáng chú ý, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Trung Quốc từ Cô-lôm-bi-a và Ma-lai-xi-a tăng lần lượt 1,7% và 3,5%, lên mức 3.590 USD/tấn và 8.186 USD/tấn. Trung Quốc chủ yếu nhập khẩu cà phê đã qua chế biến từ các nguồn cung trên, dẫn đến giá nhập khẩu bình quân ở mức cao.

10 nguồn cung cà phê lớn nhất cho Trung Quốc 11 tháng năm 2019 (HS: 0901)

Thị trường	11 tháng năm 2019			So với 11 tháng năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ
Tổng	57.848	243.181	4.204	-3,7	-12,4	-9,1
Việt Nam	18.942	32.344	1.708	-25,7	-61,3	-47,9
Bra-xin	7.813	22.144	2.834	22,3	15,5	-5,5
Cô-lôm-bi-a	5.053	18.139	3.590	3,8	5,5	1,7
Ma-lai-xi-a	5.014	41.039	8.186	21,5	25,7	3,5
Ê-ti-ô-pi-a	4.055	16.401	4.045	24,9	18,9	-4,8
Goa-tê-ma-la	3.497	11.432	3.269	-25,8	-34,5	-11,8
In-đô-nê-xi-a	2.885	8.874	3.076	90,7	40,0	-26,6
Ý	2.111	26.123	12.373	9,5	7,3	-2,0
Hoa Kỳ	1.605	15.663	9.760	-13,6	-16,6	-3,5
U-gan-đa	1.582	3.140	1.984	75,3	54,5	-11,9
Thị trường khác	5.292	47.882	9.048	5,7	12,8	

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

11 tháng năm 2019, Trung Quốc giảm nhập khẩu cà phê các thị trường như: Việt Nam, Goa-tê-ma-la, Hoa Kỳ, nhưng tăng nhập khẩu từ các thị trường Bra-xin, Cô-lôm-bi-a, Ma-lai-xi-a, Ê-ti-ô-pi-a.

Việt Nam là nguồn cung cà phê lớn nhất cho Trung Quốc trong 11 tháng năm 2019, đạt 18.942 tấn, trị giá 32,34 triệu USD, giảm 25,7% về lượng và giảm 61,3% về trị giá so với 11 tháng năm 2018. Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc chiếm 32,7% trong 11 tháng năm 2019, thấp hơn nhiều so với 42,5% trong 11 tháng năm 2018.

Bra-xin là nguồn cung cà phê lớn thứ 2 cho Trung Quốc trong 11 tháng năm 2019, đạt 7.813 tấn, trị giá 22,14 triệu USD, tăng 22,3% về lượng và tăng 15,5% về trị giá. Thị phần cà phê Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 10,6% trong 11 tháng năm 2018, lên 13,5% trong 11 tháng năm 2019.

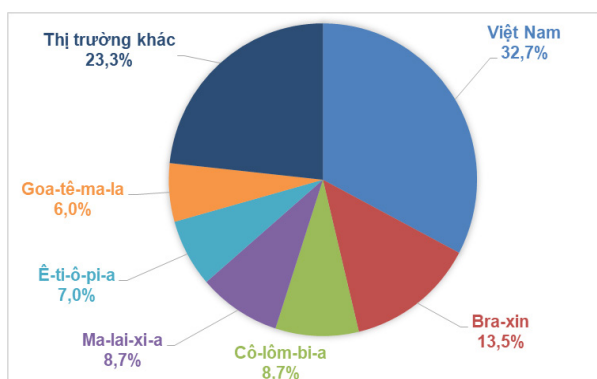


Ma-lai-xi-a là nguồn cung cà phê lớn thứ 4 về lượng cho Trung Quốc, nhưng đứng đầu về trị giá trong 11 tháng năm 2019. Theo đó, nhập khẩu cà phê của Trung Quốc từ Ma-lai-xi-a đạt 5.014 tấn, trị giá 41,04 triệu USD, tăng 21,5% về lượng và tăng 25,7% về trị giá so với 11 tháng năm 2018. Thị phần cà phê Ma-lai-xi-a trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 6,9% trong 11 tháng năm 2018, lên 8,7% trong 11 tháng năm 2019.

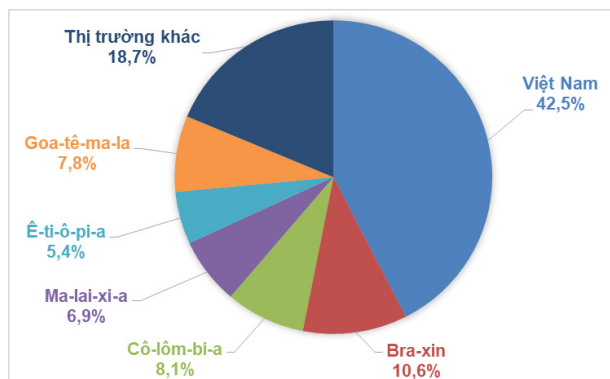
Cơ cấu nguồn cung cà phê cho Trung Quốc

(Tỷ trọng tính theo lượng)

11 tháng năm 2019



11 tháng năm 2018



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)